TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 02 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Thu Thủy và ông Trần Hoàng Liên.

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa**:* Bà Mai Lý Lệ Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 371/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐ-HPT, ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T, chức danh: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S Chi nhánh Ninh Thuận. Theo giấy ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc V, chức vụ: CV. Quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Chi nhánh Ninh Thuận. Theo giấy ủy quyền số 07/2023/GUQ-CNNT ngày 31/10/2023 (có mặt).

- Bị đơn*:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2018 bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất 2.77%/tháng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 165.469.495 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) bà H phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 182.687.000 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 34.087.339 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 27/02/2024, bà H còn nợ số tiền gốc là 34.087.339 đồng, số tiền lãi là: 14.284.329 đồng, tổng cộng là 48.371.668 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bà H yêu cầu bà có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn tuy nhiên đến nay bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng đã tiến hành khởi kiện bà H ra Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Phạm Ngọc Vũ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S với tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2024 là 48.371.668 đồng (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó: Số tiền gốc là: 34.087.339 đồng, số tiền lãi là: 14.284.329 đồng và phải thanh toán

khoản lãi phát sinh từ ngày 28/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/02/2024 là 48.371.668 đồng (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó: Số tiền gốc là: 34.087.339 đồng, số tiền lãi là: 14.284.329 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/02/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà H nhưng bà H không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1]. Ngày 04/01/2018, bà H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng với mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

[2.1.2]. Sau khi ký hợp đồng, bà Nguyễn Thị H đã được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Như vậy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày kích hoạt thẻ; bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 165.469.495 đồng và đến khi ngưng thanh toán đã trả Ngân hàng số tiền 182.687.000 đồng. Sau đó bà H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

[2.1.3]. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà H là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2.77%/tháng; lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; bà H đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.2.1]. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 30/4/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 34.087.339 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 418 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 2 của bản Điều khoản. bà H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà H là phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4]. Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả tổng số tiền 48.371.668 đồng (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó: Số tiền gốc là: 34.087.339 đồng, số tiền lãi là: 14.284.329 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S); phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 28/02/2024 theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định bà H đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 418, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 48.371.668 đồng (*Bốn mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng*) trong đó: Số tiền gốc là: 34.087.339 đồng, số tiền lãi là: 14.284.329 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2024), bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) ngày 04/01/2018 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi bà Nguyễn Thị H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.418.583 đồng *(hai triệu bốn trăm mười tám nghìn năm trăm tám mươi ba đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.068.000 đồng *(một triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000552 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/02/2024). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang - Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệu